

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 13/2023/DS-ST

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải

2. Bà Phạm Thị Hương

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham
gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 29/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 24/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L4, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Đăng ký tạm trú: Khu T, phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện tại: Thôn L4, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Bà X có mặt, bà Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là bà Đ Thị X có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Bà và bà Nguyễn Thị Đ là người cùng xã và có mối quan hệ họ hàng bên chồng (chồng bà Đ và chồng bà là anh em họ với nhau). Bà Đ nhiều lần hỏi bà vay

tiền để làm ăn. Vì nể nang, bà đã 03 lần cho bà Đ vay với tổng số tiền 270.000.000 đồng cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 04/8/2018 (âm lịch), bà cho bà Đ vay số tiền 150.000.000 đồng, bà Đ có tự viết và ký vào sổ của bà X.

Lần 2: Ngày 17/8/2018 (âm lịch), bà cho bà Đ vay số tiền 100.000.000 đồng, bà Đ tự viết và ký vào sổ của bà X.

Lần 3. Ngày 10/9/2018 (âm lịch) bà Đ tiếp tục hỏi vay và bà đã cho bà Đ vay số tiền 20.000.000 đồng. Lần này bà Đ cũng tự viết và ký vào sổ của bà.

Nội dung viết không thể hiện thời gian trả và lãi phải trả nhưng hai bên có thỏa thuận lãi bà Đ phải trả cho bà là 1.500.000 đồng/100.000.000 đồng/tháng và khi nào bà cần và yêu cầu trả thì bà Đ phải trả cho bà.

Tuy nhiên kể từ thời điểm vay đến nay bà Đ không trả cho bà bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào. Từ năm 2019 đến nay bà đã đòi nhiều lần nhưng bà Đ cứ khất lần không trả. Vậy nay bà khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Đ phải trả toàn bộ số tiền gốc đã vay của bà là 270.000.000 đồng, bà tự nguyện không yêu cầu bà Đ phải trả số tiền lãi của các khoản vay trên.

Bà X khẳng định việc vay nợ giữa bà Đ và bà là vay nợ cá nhân, không liên quan đến ông Đỗ Văn P(chồng bà) và ông Đỗ Đăng Ph(chồng bà Đ). Tiền bà cho bà Đ vay là tiền riêng của bà, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt, không tham gia tố tụng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản ghi lời khai của ông Đỗ Đăng Ph(chồng bà Đ), địa chỉ: Thôn L4, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Việc bà Nguyễn Thị Đ có vay tiền của bà Lê Thị X hay không và vay bao nhiêu ông Ph không nắm rõ. Nay bà X khởi kiện bà Đ về khoản tiền vay, ông xác định đây là việc riêng giữa bà Đ và bà X, không liên quan đến ông, đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng.

Hiện bà Đ đi làm ở Hải Dương, địa chỉ cụ thể ông không rõ và không liên lạc được qua điện thoại. Bà Đ biết việc bà X khởi kiện nhưng bà Đ không có quan điểm gì.

- Tại biên bản ghi lời khai của ông Đỗ Văn P(chồng bà X), địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Ông là chồng bà Lê Thị X, việc vay nợ giữa bà X và bà Đ như thế nào ông không biết vì bà X cho vay bằng tiền riêng của bà X và khi cho vay bà X không nói gì với ông. Đề nghị Toà án không đưa ông vào tham gia tố tụng.

- *Kết quả xác minh với cơ sở thôn L4, xã A; Ủy ban nhân dân xã A, công an xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình và công văn của Công an phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương* thể hiện: Bà Nguyễn Thị Đ vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn L4, xã A. Tháng 4/2023 bà Đ có đăng ký tạm trú tại phường Á, thành phố H. Hiện tại bà Đ không ở tại địa chỉ đăng ký tạm trú nêu trên mà về cư trú ở Thôn L4, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Ban ngày bà Đ đi làm gì, ở đâu địa phương không rõ nhưng đến tối khoảng 19 giờ đến 20 giờ bà Đ lại về gia đình.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị X và bà Nguyễn Thị Đ là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L4, xã A, huyện Quỳnh Phụ, hiện tại được xác định là có mặt tại địa phương nhưng không hợp tác, không cung cấp cho nguyên đơn biết thông tin việc thay đổi địa chỉ tạm trú sau thời điểm toà án thụ lý (hiện bị đơn đăng ký tạm trú tại phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương, chưa xóa tạm trú) là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập

được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, người thân từ chối nhận các văn bản tố tụng thay cho bị đơn. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về địa chỉ của bị đơn, các vấn đề tranh chấp, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà X thấy rằng:

- Bà X xác định cho bà Đ vay tiền ba lần gồm: Lần 1 là ngày 04/8/2018 (âm lịch), bà cho bà Đ vay số tiền 150.000.000 đồng; lần 2 ngày 17/8/2018 (âm lịch), bà cho bà Đ vay số tiền 100.000.000 đồng; lần 3 ngày 10/9/2018 (âm lịch) bà Đ tiếp tục vay của bà 20.000.000 đồng. Tổng số tiền bà cho bà Đ vay là 270.000.000 đồng. Tất cả các lần vay bà Đ đều tự viết tên và ký vào sổ của bà. Bà X xuất trình 01 (một) quyển sổ ghi chép hình chữ nhật có kích thước (12 x 7,9)cm, bìa cứng màu đen, tại các trang (ký hiệu A1, A2) có ghi nội dung: *“10-9-2018 âm lịch Đ vay 20.000.000 Bằng chữ (hai mươi triệu đồng trăn) Đ”; “17 8-2018 âm lịch Đ vay X số Tiền 100.000.000 bằng chữ một trăm triệu đồng trăn Đ 4-8-2018 âm lịch Đ vay Xiên số Tiền 150.000.000 Bằng chữ một trăm năm mươi triệu đồng chẵn Đ Nguyễn Thị Đ”*. Quá trình giải quyết vụ án do bà Đ không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có lời khai, không thể hiện quan điểm, việc vay nợ giữa hai bà không có người làm chứng nên Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết “Đ”, “Nguyễn Thị Đ” trong quyển sổ trên do bà X xuất trình với các mẫu so sánh, ký hiệu từ M1 đến M5 là các tài liệu mượn của Cơ quan cảnh sát điều tra, công an huyện Quỳnh Phụ có chứa chữ viết của bà Nguyễn Thị Đ gồm: 01 (một) Đơn kiến nghị khẩn cấp về việc trả lời kết quả giải quyết đơn tố giác tội phạm, đề ngày 06/10/2020, gồm 02 tờ (ký hiệu M1); 01 (một) Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm lập ngày 07/5/2020 tại Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (ký hiệu M2); 01 (một) Biên bản ghi lời khai của Nguyễn Thị Đ, ngày 07/5/2020 (ký hiệu M3); 01 (một) Biên bản làm việc ngày 01/9/2020 tại Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (ký hiệu M4); 01 (một) Biên bản làm việc ngày 08/9/2020 tại Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (ký hiệu M5) và 01 (một) Biên bản làm việc ngày 13/8/2021 tại Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (ký hiệu M6).

- Tại kết luận giám định số 792/KL-KTHS ngày 12/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình kết luận: *Chữ viết “Đ”, “Nguyễn Thị Đ” tại dòng chữ viết thứ 5,6,12,13 tính từ trên xuống dưới trên các trang tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 trong quyển sổ gửi giám định (do bà X xuất trình) so với chữ*

viết “Đ, Nguyễn Thị Đ” của Nguyễn Thị Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 (tài liệu mượn của Công an huyện Quỳnh Phụ) do cùng một người viết ra.

Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định có việc bà Nguyễn Thị Đ vay tiền của bà Lê Thị X với số tiền 270.000.000 đồng như bà X đã khai là chính xác.

- Về nghĩa vụ trả tiền: Trong giấy vay tiền không thể hiện thời gian trả nợ, lãi xuất cho vay. Bà X xác định hai bên có thỏa thuận miệng lãi xuất là 1.500.000 đồng/một trăm triệu đồng/tháng và khi nào bà X yêu cầu trả thì bà Đ có nghĩa vụ phải trả nợ cho bà nhưng đến nay bà Đ chưa trả cho bà bất kỳ khoản tiền gốc, lãi nào dù bà đã đến đòi rất nhiều lần. Xét thấy bà Đ biết việc bà X khởi kiện nhưng không giao nộp tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc bà đã trả tiền (một phần hay toàn bộ) cho bà X, do đó cần buộc bà Đ phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc 270.000.000 đồng đã vay của bà X là có cơ sở.

- Về lãi xuất: Bà X tự nguyện không yêu cầu bà Đ phải trả lãi của số tiền đã vay nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về các vấn đề khác:

- Quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Đăng Ph có xuất trình 01 bản phô tô sổ ghi chép về các khoản tiền trừ nợ giữa bà X và vợ chồng ông (do ông Ph tự ghi chép) trong đó có các khoản: Bà X cùng chồng con đến lấy đồ dùng văn phòng phẩm, lấy chè khô; tiền trả phường cho anh B(con rể bà X); tiền bảo hiểm của ông P... Tuy nhiên cả bà X và ông Ph đều xác định giữa hai bên chưa tiến hành thanh toán với nhau về các khoản tiền hàng và chè khô. Ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản ông đã ghi chép trong sổ đồng thời bà X không đồng ý đối trừ bất cứ khoản nào vào số tiền bà Đ đã vay của bà. Bà X đề nghị đề bà và bà Đ tự thỏa thuận với nhau về các khoản trên, trường hợp không thỏa thuận được, sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Mặc khác, bà Đ vắng mặt không thể hiện bất cứ quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Đối với các khoản nợ giữa ông Đỗ Đăng Ph và ông Đỗ Văn P, hai ông không yêu cầu Tòa án giải quyết và từ chối tham gia tố tụng; khoản tiền phường bà X cho rằng bà Đ còn nợ bà 200.000.000 đồng, bà X chưa yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Đối với số tiền bảo hiểm nhân thọ 15.010.000 đồng ông Đỗ Văn P trình bày: Bà Đ là người vận động ông tham gia, do nỗ lực nên ông đồng ý mua bảo hiểm cho bà Đ, bà Đ có ứng tiền ra để đóng cho ông. Ông xác định đây là việc riêng giữa ông và bà Đ, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn (bà X) được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X: Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà X tổng số tiền vay là 270.000.000 đồng (*hai trăm bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 13.500.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Lê Thị X số tiền tạm ứng án phí 6.750.000 đồng (*sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00004974 ngày 09/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa